

Vietnam Daily Review

Sắc xanh ngập tràn

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 21/7/2022	•		
Tuần 18/7-22/7/2022	•		
Tháng 7/2022		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Đây là sau nhiều phiên tích lũy, hôm nay VN-Index đã thành công lấp gap 1167-1180, đi lên đóng cửa tại ngưỡng 1194, tăng gần 16 điểm so với phiên trước đó. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 28/30 mã thuộc nhóm VN30 kết phiên trong sắc xanh là động lực tăng điểm của chỉ số trong phiên hôm nay. 17/19 ngành tăng điểm, trong đó mức tăng mạnh nhất thuộc về ngành Dịch vụ tài chính. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Với những chỉ báo kỹ thuật vẫn đang duy trì xu hướng tích cực, VN-Index có thể sẽ tiếp tục tăng điểm tuy nhiên cũng có khả năng chững lại khi gặp lại vùng 1200.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL hầu hết tăng điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Khuyến nghị các nhà đầu tư cân nhắc giao dịch ngắn hạn trong phiên.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 20/07/2022, các chứng quyền tăng theo nhịp vận động của cổ phiếu cơ sở.

Phân tích kỹ thuật (trang 3): HAH_Tín hiệu tích cực

Điểm nhấn:

- VN-Index **+15.81** điểm, đóng cửa **1194.14** điểm. HNX-Index **+4.44** điểm, đóng cửa **288.87** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VCB (+1.43)**, **VHM (+0.98)**, **BID(+0.96)**, **GVR (+0.61)**, **CTG (+0.60)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-0.56)**, **HAG (-0.17)**, **HNG (-0.12)**, **IMP (-0.06)**, **PHR (-0.04)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 12,941 tỷ đồng, tăng **34.08%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 14,168 tỷ đồng.
- Biên độ dao động 12.81 điểm. Thị trường có **374** mã tăng, 67 mã tham chiếu và **87** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **193.79 tỷ** đồng trên sàn HOSE, gồm **SSI (56.39 tỷ)**, **GAS (45.00 tỷ)**, **VHM (44.30 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị 2.65 tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

VN-INDEX **1194.14**

Giá trị: 12941.32 tỷ **15.81 (1.34%)**

Khối ngoại (ròng): 193.79 tỷ

HNX-INDEX **288.87**

Giá trị: 1665.91 tỷ **4.44 (1.56%)**

Khối ngoại (ròng): 2.65 tỷ

UPCOM-INDEX **88.88**

Giá trị: 0.75 tỷ **0.99 (1.13%)**

Khối ngoại(ròng): 29.19 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	103.4	-0.79%
Giá vàng	1,708	-0.22%
Tỷ giá USD/VND	23,417	-0.10%
Tỷ giá EUR/VND	23,961	-0.15%
Tỷ giá JPY/VND	16,940	-0.46%
LS liên NH 1 tháng	2.5%	0.31%
LS TPCP 5 năm	2.5%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
SSI	56.4	FPT	-60.5
GAS	45.0	STB	-34.2
VHM	44.3	MWG	-26.6
VNM	23.8	VRE	-16.4
CTG	20.5	E1VFN30	-16.0

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu hàng hóa	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Hiệu suất PTKT	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Khuyến nghị dài hạn	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 20/07

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu vào	Liên quan đầu ra
Dầu WTI	USD/barrel	103.73	1.22%	8.23%	-5.85%	54.36%	PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	USD/barrel	107.10	0.78%	7.65%	-3.83%	54.43%	PVT	GAS, BSR
Xăng	UScent/gallon	3.30	1.01%	1.03%	-14.27%	54.73%	HVN, VJC	PLX, OIL
Vàng	USD/ounce	1711.55	0.15%	-0.83%	-6.89%	-5.44%		PNJ
Bạc	USD/ounce	18.75	0.42%	-0.75%	-13.11%	-24.72%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1477.25	-1.34%	0.61%	-12.89%	2.34%	DBC, QNS	HKB
Lúa mì	UScent/bushel	812.25	-0.06%	-0.25%	-21.29%	15.95%	AFX	
Sữa	USD /cwt	22.54	-0.04%	-0.53%	-7.28%	35.29%	KDC	VNM, GTN
Cao su*	JPY/kg	158.30	0.64%	-1.49%	-2.04%	-2.76%	SRC, CSM	DPR, PHR
Đường	US cent/lb	18.84	-2.94%	0.80%	0.96%	8.21%	VNM, GTN	SBT, LSS
Cà phê	US cent/lb	2.83	0.00%	-1.74%	5.99%	-15.27%	VCF, CTP	CTP, DLG
Đồng	USD /ton	220.40	1.90%	5.33%	-5.45%	33.05%	CAV, SAM	MSN, ACM
Thép*	USD/ton	3.29	-1.75%	-0.11%	-17.64%	-22.94%	PC1, CTD	HPG
Thép HRC*	USD/ton	3826.00	3.04%	-2.89%	-13.73%	-29.94%		
Nhôm	USD/ton	2386.00	-2.01%	0.89%	-5.58%	-2.47%	CAV, SAM	
Quặng sắt*	USD/ton	101.00	0.50%	-10.22%	-12.17%	-54.50%	HPG	
Than đá	USD/ton	399.00	0.74%	-6.34%	1.59%	166.44%	HT1, HPG	HLC, NBC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Giá dầu thô ngọt nhẹ WTI của Mỹ giảm 0.33% xuống 100.41 USD/thùng vào sáng ngày 20/7. Trong khi giá dầu thô Brent giao tháng 9 tăng 0.94% lên 107.27 USD/thùng.
- Giá dầu thô tăng khoảng 1% trong phiên giao dịch ngày 19/7, với dầu Brent lên cao nhất trong hai tuần, vì nguồn cung thắt chặt và đồng USD yếu. Chốt phiên giao dịch, giá dầu thô Brent tăng 1% lên 107.35 USD/thùng, trong khi giá dầu thô WTI của Mỹ tăng 1.6% lên 104.22 USD.

Giá vàng

- Trong phiên giao dịch sáng ngày 20/7, giá vàng giao ngay tăng 0.04% lên 1,713.4 USD/ounce, theo kitco. Trong khi giá vàng giao tháng 9 giảm 0.03% xuống 1,710.15 USD.
- Giá vàng tăng trong phiên giao dịch ngày 19/7, được hỗ trợ bởi sự sụt giảm của đồng USD khi giới đầu tư tìm kiếm tín hiệu về tốc độ tăng lãi suất từ các ngân hàng trung ương lớn trong tháng này.

Giá cao su

- Tại Sở giao dịch hàng hóa Tokyo (TOCOM), giá cao su kỳ hạn giao tháng 7/2022 ghi nhận mức 260.1 yen/kg, tăng 0.42% (tương đương 1.1 yen/kg).
- Trên Sàn giao dịch hàng hóa tương lai Thượng Hải (SHFE), giá cao su RSS3 giao kỳ hạn tháng 8/2022 được điều chỉnh xuống mức 11,890 nhân dân tệ/tấn, giảm 0.29% (tương đương 35 nhân dân tệ) so với giao dịch trước đó.

Giá nông sản

- Giá cà phê trực tuyến robusta tại London giao tháng 9/2022 được ghi nhận tại mức 1,998 USD/tấn sau khi tăng 0.3% (tương đương 6 USD).
- Giá cà phê arabica giao tháng 9/2022 tại New York đạt mức 216.5 US cent/pound, tăng 0.6% (tương đương 1.3 US cent).

Thị trường chứng khoán thế giới

	20/7	% 20/7	19/7	% 19/7	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1194.14	1.34%	1178.33	0.16%	1.72%	1.16%
S&P 500			3936.69	2.76%	3.09%	3.87%
HĐTL S&P500	3941.25	0.10%	3937.50	2.71%	3.59%	7.35%
Shang-hai	3304.72	0.77%	3279.43	0.04%	0.62%	-0.32%
Euro Stoxx	3586.28	-0.03%	3587.44	2.15%	3.83%	3.36%

* Giờ chốt dữ liệu: 15h00 hàng ngày theo giờ Việt Nam

Phân tích kỹ thuật

HAH_Tín hiệu tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tích cực
- Chỉ báo xu hướng MACD: Đường MACD ở trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Xu hướng tăng

Nhận định: HAH có một phiên tăng điểm tốt với thanh khoản cổ phiếu vượt ngưỡng trung bình 20 phiên. Chỉ báo MACD và chỉ báo RSI tiếp tục cho thấy xu hướng tích cực. Đường giá cổ phiếu đã ở trên đường MA20 tuy nhiên hiện vẫn nằm dưới đường MA50. Nhà đầu tư trung hạn có thể mở vị thế tại ngưỡng 67.9, chốt lãi tại ngưỡng 78.5 và cắt lỗ nếu cổ phiếu giảm xuống dưới ngưỡng 63.5.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

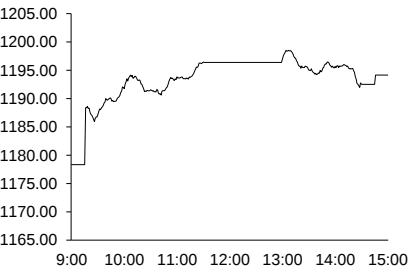
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Dịch vụ tài chính	2.98%
Bán lẻ	2.67%
Hóa chất	2.36%
Xây dựng và Vật liệu	2.35%
Công nghệ Thông tin	2.29%
Hàng cá nhân & Gia dụng	2.20%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	1.75%
Ô tô và phụ tùng	1.53%
Ngân hàng	1.52%
Dầu khí	1.48%
Bảo hiểm	1.15%
Tài nguyên Cơ bản	1.06%
Du lịch và Giải trí	1.02%
Bất động sản	0.90%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.81%
Thực phẩm và đồ uống	0.74%
Y tế	0.27%
Truyền thông	-0.83%
Viễn thông	-8.56%

Hình 1

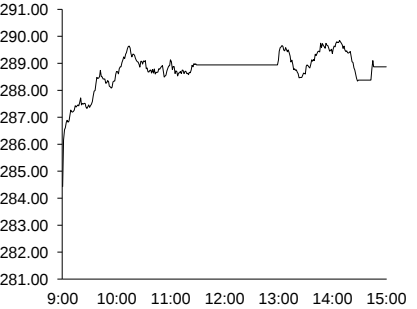
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
7/18/2022	GVR	23.2	26.5	21.9	23.8	2	2.59%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:								(**) Tiệm cận giá mục tiêu

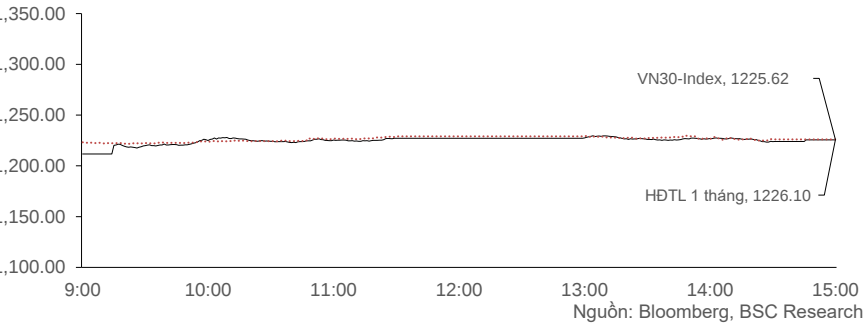
Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
6/28/2022	C47	13.25	16	12.8	SL	8	-3.40%
6/27/2022	DBC	19.45	24	18.25	TP	9	23.39%
6/23/2022	GMD	53	60	49.5	SL	12	-6.60%
6/7/2022	GIL	76.8	86	72	SL	6	-6.25%
6/6/2022	NT2	25.1	28.5	23.5	TP	8	13.55%
6/1/2022	PC1	38.5	43.3	35.2	TP	7	12.47%
5/31/2022	CTD	54.5	61	51	SL	20	-6.42%
5/30/2022	PDR	55.3	61.3	52	SL	11	-5.97%
5/27/2022	MWG	146.7	162	140	SL	17	-4.57%
5/26/2022	DBC	25.3	30.2	22.5	SL	18	-11.07%
5/25/2022	FRT	82.7	103.9	76.3	TP	26	25.63%
5/19/2022	DCM	31.4	40	28	TP	14	27.39%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	1	0	2.59%	0.00%	2.59%	2
Cổ phiếu đã chốt	249	221	7.10%	-7.54%	4.21%	23

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HDTL 1 tháng Intraday



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2207	1226.10	1.08%	0.48	-3.8%	189,503	7/21/2022	3
VN30F2208	1223.50	1.07%	-2.12	63.9%	15,516	8/18/2022	31
VN30F2209	1226.80	1.43%	1.18	588.9%	124	9/15/2022	59
VN30F2212	1222.30	0.94%	-3.32	248.3%	101	12/15/2022	150

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 tăng 13.92 điểm lên 1225.62 điểm, biên độ dao động 12.17 điểm. Các cổ phiếu như FPT, TPB, VHM, ACB và MBB đã tác động đến nhịp vận động của VN30. VN30 hôm nay có nhịp vận động tích cực với gap tăng ngay từ đầu phiên, với mức thanh khoản trên trung bình. Các chỉ báo kỹ thuật có dấu hiệu tích cực cho xu hướng hồi phục ngắn hạn tuy nhiên mô hình nền vẫn ở trạng thái lưỡng lự. Khuyến nghị các nhà đầu tư cân nhắc giao dịch ngắn hạn trong phiên.
- Các HDTL hầu hết tăng điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Xét về KLGD, có sự cân bằng khi các HĐ VN30F2209 và VN30F2212 tăng, HĐ VN30F2205 và VN30F2206 giảm so với phiên trước đó. Xét về vị thế mở, tương tự khi các HĐ VN30F2209 và VN30F2212 tăng, HĐ VN30F2205 và VN30F2206 giảm so với phiên trước đó.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CFPT2203	8/1/2022	12	3.3:1	796,100	33.29%	3,800	2,070	25.45%	2,063	1.00	80,068	95,000	84,900
CPNJ2202	10/3/2022	75	24.8:1	63,200	41.90%	1,200	900	15.38%	714	1.26	117,834	99,999	113,600
CFPT2204	12/7/2022	140	8.25:1	76,200	33.29%	2,900	1,480	11.28%	793	1.87	89,231	87,498	84,900
CPNJ2203	10/3/2022	75	24.8:1	99,300	41.90%	1,300	830	9.21%	642	1.29	139,190	109,999	113,600
CVPB2204	11/15/2022	118	16:1	63,400	37.56%	1,000	420	7.69%	94	4.46	30,888	30,888	28,150
CSTB2213	1/3/2023	167	8:1	64,800	46.94%	1,000	570	7.55%	317	1.80	36,044	24,444	23,050
CVNM2205	10/20/2022	92	15.4:1	29,700	26.70%	1,000	570	7.55%	164	3.48	77,372	79,999	73,000
CMBB2207	1/3/2023	167	10:1	155,800	36.02%	1,000	640	6.67%	387	1.66	41,356	23,456	25,550
CVNM2204	10/7/2022	79	9.67:1	713,000	26.70%	1,500	820	6.49%	552	1.48	70,603	73,000	73,000
CMSN2208	10/7/2022	79	14.8:1	700	42.60%	2,400	1,150	6.48%	548	2.10	111,485	104,233	103,000
CHDB2207	12/7/2022	140	3:1	14,200	39.30%	2,500	1,370	4.58%	742	1.85	24,860	24,500	23,850
CKDH2208	12/7/2022	140	4.54:1	200	36.60%	2,400	2,010	4.15%	890	2.26	43,019	35,891	36,700
CSTB2211	12/27/2022	160	8:1	295,200	46.94%	1,000	540	3.85%	366	1.48	26,693	23,333	23,050
CMBB2206	10/3/2022	75	10:1	79,900	36.02%	1,000	570	3.64%	392	1.45	31,422	22,222	25,550
CVJC2203	12/27/2022	160	20:1	5,300	28.06%	1,400	990	3.13%	398	2.48	190,931	131,131	125,500
CPDR2204	1/3/2023	167	16:1	50,100	31.58%	1,000	600	1.69%	191	3.14	71,419	57,979	53,100
CSTB2214	1/9/2023	173	2:1	121,100	46.94%	1,630	2,100	0.48%	1,601	1.31	23,480	23,000	23,050
CVNM2203	8/15/2022	26	19.3:1	406,300	26.70%	1,000	140	0.00%	25	5.61	78,448	81,111	125,500
CNVL2208	3/28/2023	251	16:1	100	25.88%	1,200	800	0.00%	302	2.65	99,519	79,999	73,900
CNVL2202	8/15/2022	26	16:1	10,600	25.88%	1,000	150	-6.25%	23	6.59	119,199	79,999	73,900

Tổng 3,045,200 35.54%**

Chú thích:	Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất Lãi suất phi rủi ro là 4.75% **Trung bình độ lệch chuẩn	CR: Tỷ lệ chuyển đổi Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn *Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
------------	--	---

- Trong phiên giao dịch ngày 20/07/2022, các chứng quyền tăng theo nhịp vận động của cổ phiếu cơ sở.
- CACB2201 và CSTB2207 có mức tăng trưởng tốt nhất, lần lượt 581.82% và 100.00%. Giá trị giao dịch giảm 6.43%, CHPG2215 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 17.08% thị trường.
- CHPG2206, CPNJ2201, CKDH2208 và CSTB2212 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHPG2215, CPNJ2204, CMBB2207 và CVNM2207 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CPNJ2201, CFPT2203 và CPNJ2202 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	61.2	2.0%	0.7	3,895	19.5	3,515	17.4	4.0	48.9%	25.8%
PNJ	Bán lẻ	113.6	2.8%	0.7	1,197	4.4	5,443	20.9	3.4	49.0%	18.0%
BVH	Bảo hiểm	57.5	0.7%	1.3	1,856	3.7	2,529	22.7	2.0	26.6%	8.9%
PVI	Bảo hiểm	43.6	0.2%	0.7	444	0.0	3,630	12.0	1.3	58.5%	11.0%
VIC	Bất động sản	68.2	-0.9%	0.5	11,309	1.9	(578) #N/A	N/A	2.5	12.2%	-2.4%
VRE	Bất động sản	26.1	0.2%	1.1	2,574	1.6	401	65.0	1.9	31.8%	3.0%
VHM	Bất động sản	59.7	1.5%	0.8	11,302	4.9	8,786	6.8	2.0	23.2%	34.5%
DXG	Bất động sản	21.7	3.8%	1.4	573	7.0	1,503	14.4	1.4	29.7%	11.3%
SSI	Chứng khoán	21.3	3.1%	1.7	1,380	20.6	2,841	7.5	1.5	21.9%	22.6%
VCI	Chứng khoán	39.6	4.2%	1.0	577	10.8	4,884	8.1	1.8	18.5%	26.9%
HCM	Chứng khoán	26.0	4.0%	1.6	517	11.4	2,522	10.3	1.6	42.7%	17.9%
FPT	Công nghệ	84.9	2.3%	1.0	4,049	10.5	4,293	19.8	4.8	49.0%	26.1%
FOX	Công nghệ	69.7	3.3%	0.4	995	0.0	4,926	14.1	3.8	0.0%	30.2%
GAS	Dầu khí	103.0	1.1%	1.0	8,571	4.0	5,109	20.2	3.6	2.9%	19.2%
PLX	Dầu khí	42.9	1.8%	1.5	2,367	1.7	1,950	22.0	2.1	17.6%	9.9%
PVS	Dầu khí	23.9	0.8%	1.6	497	7.2	1,408	17.0	1.0	9.0%	5.5%
BSR	Dầu khí	24.7	2.5%	0.8	3,330	13.6	2,108	11.7	2.0	41.1%	19.1%
DHG	Dược	88.5	1.4%	0.3	503	0.0	6,361	13.9	3.1	54.2%	23.1%
DPM	Hóa chất	48.5	3.9%	1.3	825	4.9	12,920	3.8	1.6	16.1%	50.2%
DCM	Hóa chất	30.0	2.4%	1.2	691	4.4	5,643	5.3	1.8	9.3%	38.9%
VCB	Ngân hàng	72.5	1.7%	0.8	14,918	1.7	4,855	14.9	2.9	23.4%	21.1%
BID	Ngân hàng	36.4	2.1%	1.2	8,006	2.5	2,266	16.1	2.1	16.9%	13.8%
CTG	Ngân hàng	27.1	1.9%	1.5	5,652	5.1	2,558	10.6	1.3	26.5%	13.0%
VPB	Ngân hàng	28.2	0.5%	1.2	5,441	11.9	3,874	7.3	1.4	17.6%	24.0%
MBB	Ngân hàng	25.6	1.4%	1.3	4,197	7.6	3,623	7.1	1.5	23.2%	23.7%
ACB	Ngân hàng	24.3	1.7%	1.1	3,568	3.2	3,081	7.9	1.7	30.0%	24.2%
BMP	Nhựa	57.0	2.5%	0.7	203	0.0	3,150	18.1	1.9	85.6%	10.7%
NTP	Nhựa	38.5	3.2%	0.5	217	0.1	3,628	10.6	1.7	17.8%	16.9%
MSR	Tài nguyên	19.6	1.0%	1.6	937	0.1	178	110.1	1.5	10.1%	1.4%
HPG	Thép	22.4	0.9%	1.1	5,650	16.5	5,726	3.9	1.3	20.6%	40.4%
HSG	Thép	18.0	3.2%	1.6	390	7.5	7,157	2.5	0.8	6.6%	35.8%
VNM	Tiêu dùng	73.0	0.3%	0.6	6,633	3.7	4,390	16.6	4.7	54.6%	28.9%
SAB	Tiêu dùng	159.8	1.9%	0.8	4,456	0.7	5,969	26.8	4.8	62.7%	19.0%
MSN	Tiêu dùng	103.0	1.0%	1.0	6,376	3.1	7,041	14.6	5.3	28.8%	45.7%
SBT	Tiêu dùng	18.4	2.8%	1.6	503	1.8	1,144	16.1	1.4	8.1%	8.3%
ACV	Vận tải	83.9	3.5%	0.8	7,941	0.1	363	231.3	4.9	3.8%	1.3%
VJC	Vận tải	125.5	0.8%	1.1	2,955	2.7	361	347.2	4.0	16.8%	1.2%
HVN	Vận tải	16.6	1.2%	1.7	1,598	0.9	(5,210) #N/A	N/A #N/A	N/A	5.9%	#VALUE!
GMD	Vận tải	51.0	4.1%	1.0	668	3.4	2,256	22.6	2.3	45.8%	10.8%
PVT	Vận tải	19.9	0.3%	1.4	280	2.8	2,088	9.5	1.2	13.3%	13.0%
VCS	Vật liệu xây dựng	72.9	0.8%	0.9	507	0.2	10,540	6.9	2.2	3.1%	37.5%
VGC	Vật liệu xây dựng	56.2	3.9%	0.7	1,096	3.2	3,677	15.3	3.2	5.6%	22.9%
HT1	Vật liệu xây dựng	16.3	0.6%	1.1	270	0.5	783	20.8	1.2	1.9%	5.6%
CTD	Xây dựng	60.6	1.2%	1.3	195	3.5	(27) #N/A	N/A	0.5	52.4%	0.0%
CII	Xây dựng	19.6	2.3%	1.4	215	4.1	1,266	15.5	0.9	11.0%	6.1%
REE	Điện	82.5	1.6%	-1.4	1,275	4.8	5,994	13.8	2.1	49.1%	16.7%
PC1	Điện	38.0	5.1%	-0.4	388	3.4	3,238	11.7	1.8	4.7%	16.9%
POW	Điện	13.5	0.4%	0.6	1,375	6.3	859	15.7	1.1	2.3%	6.9%
NT2	Điện	25.8	1.2%	0.6	322	2.9	3,116	8.3	1.7	14.1%	20.9%
KBC	Khu công nghiệp	37.0	1.2%	1.5	1,235	8.1	866	42.7	1.9	19.2%	5.3%
BCM	Khu công nghiệp	63.0	2%	1.0	2,835	0.3	1,190	52.9	3.9	2.7%	8.4%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	72.50	1.68	1.44	544900
VHM	59.70	1.53	0.99	1.91MLN
BID	36.40	2.10	0.96	1.59MLN
CTG	27.05	1.88	0.61	4.32MLN
GVR	23.80	2.59	0.61	2.48MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VIC	0.00	-0.58	626100	1.11MLN
DPM	0.00	-0.22	2.35MLN	607060
HAG	-0.01	-0.19	47.05MLN	373600
HNG	-0.01	-0.14	22.18MLN	192700
IMP	-0.01	-0.06	2100	611640

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CRC	6.88	7.00	0.00	1.23MLN
DTA	9.20	6.98	0.00	59300
FTS	40.65	6.97	0.10	2.81MLN
DAT	16.90	6.96	0.02	14700
SKG	18.45	6.96	0.02	1.62MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HNG	6.52	-6.99	-0.14	22.18MLN
BTT	48.20	-6.95	-0.01	2000
SII	16.10	-6.94	-0.02	8000.00
HAG	10.85	-6.87	-0.19	47.05MLN
FDC	24.70	-6.79	-0.02	100

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

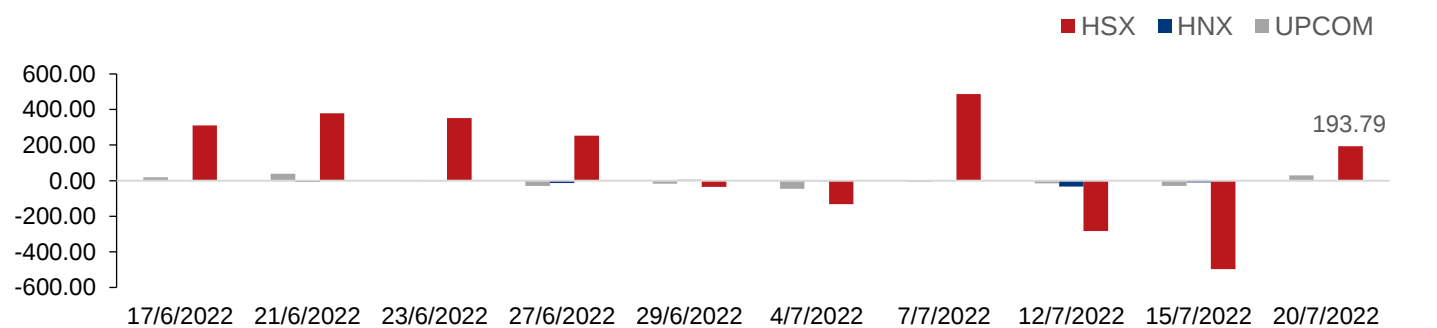
Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CEO	32.50	8.33	0.81	10.18MLN
THD	57.10	2.51	0.62	91600.00
SHS	15.50	3.33	0.52	12.92MLN
HUT	29.70	5.32	0.51	6.89MLN
BAB	16.80	1.82	0.37	15400

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
IDC	58.60	-1.84	-0.46	2.00MLN
HTP	36.00	-2.70	-0.04	33400
HTC	23.40	-10.00	-0.04	100
VIF	17.00	-2.30	-0.02	500
DDG	39.40	-0.51	-0.02	190100

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SIC	23.40	9.9	0.02	8000
KHS	27.10	9.7	0.02	400
NHC	34.30	9.6	0.01	100
PTD	11.50	9.5	0.00	5000
VC6	13.80	9.5	0.01	100.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HTC	23.40	-10.00	-0.04	100
BST	16.70	-9.73	0.00	600
THS	15.00	-9.64	0.00	100
L61	7.60	-9.52	0.00	3600
VE1	3.80	-9.52	0.00	500

Hình 3
 Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	DPM	Phân bón	Theo dõi	04/07/22	50.0	63.1	48.5	12,920	3.8	1.6	Click
2	HT1	Xi măng	Mua	30/06/22	15.5	18.7	16.3	783	20.8	1.2	Click
3	NT2	Điện	Mua	28/06/22	24.8	28.0	25.8	3,116	8.3	1.7	Click
4	PVD	Dầu khí	Mua	28/06/22	17.4	19.8	17.3	0	152.4	0.6	Click
5	LHG	BDS	Mua	27/06/22	31.5	54.8	35.5	6,244	5.7	1.2	Click
6	MIG	Bảo hiểm	Theo dõi	23/06/22	24.8	21.7	24.8	1,187	20.9	2.2	Click
7	PC1	Điện	Mua	23/06/22	39.2	45.9	38.0	3,238	11.7	1.8	Click
8	POW	Điện	Mua	13/06/22	15.0	17.0	13.5	859	15.7	1.1	Click
9	NKG	Thép	Mua	09/06/22	22.9	30.4	19.3	9,632	2.0	0.8	Click
10	REE	Điện	Mua	08/06/22	98.3	112.7	82.5	5,994	13.8	2.1	Click
11	LTG	Lương thực	Theo dõi	08/06/22	41.8	45.3	37.0	4,406	8.4	1.0	Click
12	GAS	Dầu khí	Mua	08/06/22	130.0	151.4	103.0	5,109	20.2	3.6	Click
13	ANV	Thủy sản	Mua	07/06/22	56.6	68.9	48.5	2,136	22.7	2.4	Click
14	HPG	Thép	Mua	07/06/22	33.2	42.1	22.4	5,726	3.9	1.3	Click
15	VOS	Vận tải biển	Mua	03/06/22	16.2	19.0	18.3	4,039	4.5	2.4	Click
16	BSR	Dầu khí	Mua	02/06/22	27.1	34.4	24.7	2,108	11.7	2.0	Click
17	CTR	CNTT-VT	Mua	27/5/22	82.4	94.5	65.9	3,434	19.2	5.4	Click
18	PNJ	Bán lẻ	Mua	10/5/22	99.1	122.1	113.6	5,443	20.9	3.4	Click
19	EVE	Dệt may	Mua	29/4/22	16.5	19.0	14.4	1,701	8.4	0.6	Click
20	NT2	Điện	Mua	12/4/22	23.0	27.1	25.8	3,116	8.3	1.7	Click
21	DPR	Cao su	Mua	5/4/22	94.0	110.0	72.5	10,782	6.7	1.4	Click
22	FRT	Bán lẻ	Nắm giữ	30/3/22	156.0	162.1	75.5	4,874	15.5	4.9	Click
23	PC1	Điện	Mua	30/3/22	49.0	63.0	38.0	3,238	11.7	1.8	Click
24	CTI	Xây dựng	Mua	29/3/22	25.7	30.8	14.4	-129	#N/A N/A	0.7	Click
25	FPT	CNTT	Mua	22/3/22	95.3	116.3	84.9	4,293	19.8	4.8	Click
26	DRC	Săm lốp	Mua	16/3/22	32.1	40.0	28.0	2,279	12.3	1.9	Click
27	NKG	Thép	Mua	11/3/22	51.2	60.4	19.3	9,632	2.0	0.8	Click
28	POW	Điện	Mua	10/3/22	16.6	19.1	13.5	859	15.7	1.1	Click
29	PNJ	Bán lẻ	Mua	7/3/22	108.0	129.4	113.6	5,443	20.9	3.4	Click
30	MWG	Bán lẻ	Mua	7/3/22	134.2	154.4	61.2	3,515	17.4	4.0	Click
31	PVT	Vận tải	Mua	7/3/22	27.4	36.0	19.9	2,088	9.5	1.2	Click
32	DGC	Hóa chất	Mua	4/3/22	177.6	233.0	100.0	12,412	8.1	4.1	Click
33	HPG	Thép	Mua	3/3/22	50.1	61.7	22.4	5,726	3.9	1.3	Click
34	KBC	Bất động sản	Mua	2/3/22	57.5	74.9	37.0	866	42.7	1.9	Click
35	PSD	Bán lẻ	Mua	2/3/22	41.6	50.3	23.9	5,084	4.7	1.5	Click
36	DXG	Bất động sản	Mua	24/2/22	40.4	50.0	21.7	1,503	14.4	1.4	Click
37	DGW	Bán lẻ	Mua	24/2/22	111.9	143.0	59.4	4,775	12.4	4.8	Click
38	ANV	Thủy sản	Mua	23/2/22	34.5	40.6	48.5	2,136	22.7	2.4	Click
39	TNG	Dệt may	Mua	23/2/22	33.0	41.7	27.6	2,701	10.2	1.9	Click
40	VHC	Thủy sản	Mua	14/2/22	68.4	91.6	85.8	8,331	10.3	2.5	Click
41	BMI	Bảo hiểm	Mua	8/2/22	36.8	45.0	28.6	1,941	14.7	1.3	Click
42	PVI	Bảo hiểm	Mua	7/2/22	49.2	59.3	43.6	3,630	12.0	1.3	Click
43	PVS	Dầu khí	Mua	13/1/22	28.5	36.0	23.9	1,408	17.0	1.0	Click
44	GAS	Dầu khí	Mua	12/1/22	103.3	130.0	103.0	5,109	20.2	3.6	Click
45	HAX	Ô tô	Mua	23/12/21	29.1	37.0	21.9	3,141	7.0	1.4	Click
46	CTD	Xây dựng	Mua	6/12/21	77.0	97.9	60.6	-27	#N/A N/A	0.5	Click
47	EVE	Dệt may	Mua	1/12/21	18.4	N/A	14.4	1,701	8.4	0.6	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vĩ mô Thị trường Quý II 2022	x		Click
2	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2022		x	Click
4	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2022	x		Click
5	Triển vọng ngành Thủy sản 2022		x	Click
6	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 3.2022	x		Click
7	Triển vọng ngành Dệt May 2022		x	Click
8	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
9	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
10	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
11	Cơ hội từ Đầu tư công (lần 3)	x		Click
12	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
13	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
14	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
15	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
16	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
17	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
18	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
19	BSC_Vĩ Mô & Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
20	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
21	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý III 2021	x		Click
22	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
23	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
24	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
25	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
26	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
27	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
28	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
29	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
30	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
31	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
32	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
33	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
34	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
35	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
36	Banking Sector Outlook		x	Click
37	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
38	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
39	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
40	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
41	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
42	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
43	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
44	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639